

Số: 107 /TT-UBND

Bình Phước, ngày 08 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ khoản 10 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy



định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước với những nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Thông tư số 85/2019/TT-BTC) và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 (sau đây gọi là Thông tư số 106/2021/TT-BTC): *Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.*

Tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC đã sửa đổi, bổ sung phí thẩm định để án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện tại khoản 9, Điều 2 của Thông tư số 85/2019/TT-BTC) thành phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

Đồng thời, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC quy định “*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí*”; điểm a và điểm c khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định “*Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí khi thực hiện thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí*” và “*Phí thẩm định để án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển và phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định để án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí*”.

Do đó, để đảm bảo chi phí cho các hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường và cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, thì việc ban hành mức thu, quản lý, sử dụng phí về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Đây là căn cứ để thực hiện việc thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định.

III. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua quy định mức thu, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 quy định phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện các nội dung liên quan đến phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở ngành liên quan tham mưu tờ trình và dự thảo Nghị quyết về quy định mức thu, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Công văn số 941/UBND-TH ngày 27/4/2022.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, lấy ý kiến của các Sở ngành có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước và tiến hành tổng hợp chỉnh sửa, giải trình đối với các ý kiến góp ý của các Sở, ngành và Báo cáo số 110/BC-STP ngày 02/6/2022 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết thông qua quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

IV. Bố cục và nội dung chính của Nghị quyết

1. Bố cục: Nghị quyết gồm 03 Điều.

2. Nội dung chính:

2.1 Quy định mức thu, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

2.1.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước, bao gồm: phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2.1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước được giao trách nhiệm thu phí, quản lý và sử dụng phí.

b) Các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2.1.3. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Đơn vị tính: Triệu đồng/dự án

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án Giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án Công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

Trường hợp thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với báo cáo đánh giá môi trường chính thức.

b) Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Mức thu phí (triệu đồng)	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0

Trường hợp thẩm định lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản chính thức.

c) Mức thu phí thẩm định cấp/cấp lại Giấy phép môi trường: 9.000.0000 đồng/Giấy phép.

Mức phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường tính bằng 50% mức thu phí cấp giấy phép môi trường.

2.2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

2.2.1. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được nộp trước thời điểm tổ chức thẩm định.

2.2.2. Cơ quan thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện thẩm định và thu phí do ngân

sách nhà nước bố trí trong dự toán của đơn vị thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

2.3. Tổ chức thực hiện:

2.3.1. Nghị quyết này thay thế Điều 9, số thứ tự thứ 3 khoản 1 Điều 10 Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.3.2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Trên đây là nội dung trình dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP; P.KT; PTH;
- Lưu: VT(BH-01-TT-07/6).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Tuệ Hiền



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /2022/NQ-HĐND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ
thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ
phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ khoản 10 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11
năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm
quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26
tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân
dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm 2022 của

Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí về thẩm định hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước, bao gồm: phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước được giao trách nhiệm thu phí, quản lý và sử dụng phí;

b) Các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Đơn vị tính: Triệu đồng/dự án

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	≤ 50	$>50 \text{ và } \leq 100$	$>100 \text{ và } \leq 200$	$>200 \text{ và } \leq 500$	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án Giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án Công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

Trường hợp thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với báo cáo đánh giá môi trường chính thức.

b) Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	≤ 50	$>50 \text{ và } \leq 100$	$>100 \text{ và } \leq 200$	$>200 \text{ và } \leq 500$	>500
Mức thu phí (triệu đồng)	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0

Trường hợp thẩm định lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản chính thức.

c) Mức thu phí thẩm định cấp/cấp lại Giấy phép môi trường: 9.000.0000 đồng/Giấy phép.

Mức phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường tính bằng 50% mức thu phí cấp giấy phép môi trường.

Điều 2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được nộp trước thời điểm tổ chức thẩm định.

2. Cơ quan thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của đơn vị thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Điều 9, số thứ tự thứ 3 khoản 1 Điều 10 Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa kỳ họp thứ thông qua ngày..... tháng..... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày.... tháng..... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TT, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH